

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường
giải phóng mặt bằng dự án: Bồi thường, GPMB các dự án
trong Khu kinh tế Nhơn Hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Xét đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 2336/TTr-STC-NS ngày
30/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường
giải phóng mặt bằng dự án: Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn
Hội (đã được phê duyệt tại Quyết định số 751/QĐ-CTUBND ngày 17/4/2012 của
Chủ tịch UBND tỉnh) tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Điều chỉnh nội dung dự toán các tiểu dự án: **Khu TĐC Nhơn Phước giai
đoạn 2 và phần mở rộng về phía Bắc 15ha; Khu công nghiệp Nhơn Hội (khu
A); Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ Khu TĐC Nhơn Phước**, nhưng tổng giá trị
các dự toán không thay đổi.

- Các nội dung khác còn lại của Quyết định số 751/QĐ-CTUBND ngày
17/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh không thay đổi.

Điều 2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu kinh tế tỉnh (Ban
Quản lý Khu kinh tế tỉnh) có trách nhiệm sử dụng và quyết toán kinh phí đúng
quy định Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 751/QĐ-
CTUBND ngày 17/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và
Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu
kinh tế, Ban bồi thường GPMB và TĐC Khu kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Ma*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT + K7 *Ma*



Ma
Mai Thanh Thắng



Phụ lục

Dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

an: Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

Quyết định số **2554** /QĐ-UBND ngày **13** tháng 9 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Dự toán đã phê duyệt tại QĐ 751/QĐ-CTUBND ngày 17/4/2012	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
I	Dự án Khu tái định cư Nhơn phước gđ2 và phần mở rộng về phía Bắc 15 ha	726.464.000	47.893.000	47.893.000	726.464.000
1	Chi phí kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại	319.940.000	2.412.000		322.352.000
2	Chi phí lập phê duyệt liên quan đến công tác bồi thường, GPMB và công khai phương án bồi thường	24.680.000	40.660.000		65.340.000
3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB cho dự án (tính 0,2% trên tổng giá trị bồi thường)	72.646.000			72.646.000
3.1	Chi phí thẩm định phương án tổng thể, phương án chi tiết (Hội đồng bồi thường BQL Khu kinh tế)	50.852.000			50.852.000
3.2	Chi phí thẩm định dự toán, thẩm định quyết toán chi phí P/V công tác bồi thường GPMB (Sở Tài chính)	21.794.000			21.794.000
4	Chi phí thuê văn phòng và trang thiết bị làm việc:	19.000.000			19.000.000
5	Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư, dụng cụ, chụp phim ảnh làm tư liệu, đóng tập hồ sơ	42.008.000	4.821.000		46.829.000
6	Chi phí thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường	28.070.000			28.070.000
7	Chi phí khác	220.120.000	0	47.893.000	172.227.000
7.1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng và tổ công tác	197.050.000	0	24.825.000	172.225.000
	- Chủ tịch Hội đồng: 150.000đ/tháng x 14 tháng	2.100.000			2.100.000
	- Phó chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng: 125.000 đồng/người/tháng x14 tháng	29.750.000		5.625.000	24.125.000

Handwritten signature

	Tổ trưởng, tổ phó và các thành viên Tổ công tác: 100.000đồng/người/tháng x 14 tháng	165.200.000		19.200.000	146.000.000
7.2	Chi khác (nếu có)	23.070.000		23.068.000	2.000
II	Khu công nghiệp Nhơn Hội Khu A	416.859.000	128.164.500	128.164.500	416.859.000
1	Chi phí kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại	282.310.000		111.039.500	171.270.500
2	Chi phí lập phê duyệt liên quan đến công tác bồi thường, GPMB và công khai phương án bồi thường	1.440.000	-		1.440.000
3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB cho dự án (tính 0,2% trên tổng giá trị bồi thường)	42.186.000			42.186.000
3.1	Chi phí thẩm định phương án tổng thể, phương án chi tiết (Hội đồng bồi thường BQL Khu kinh tế)	29.530.000			29.530.000
3.2	Chi phí thẩm định dự toán, thẩm định quyết toán chi phí P/V công tác bồi thường GPMB (Sở Tài chính)	12.656.000			12.656.000
4	Chi phục vụ kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường	0	28.000.000		28.000.000
5	Chi phí thuê văn phòng và trang thiết bị làm việc:	30.000.000	60.000.000		90.000.000
6	Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư, dụng cụ, chụp phim ảnh làm tư liệu, đóng tập hồ sơ	33.444.000	-		33.444.000
7	Chi phí thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường	10.126.000	25.164.500		35.290.500
8	Chi phí khác	17.353.000	15.000.000	17.125.000	15.228.000
8.1	Chi mua đồ bảo hộ lao động		15.000.000		15.000.000
8.2	Chi khác (nếu có)	17.353.000		17.125.000	228.000
III	Dự án Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ Khu tái định cư Nhơn phước	117.268.000	74.769.000	74.769.000	117.268.000
1	Chi phí kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại	20.825.000		12.283.000	8.542.000
2	Chi phí lập phê duyệt liên quan đến công tác bồi thường, GPMB và công khai phương án bồi thường	4.680.000		2.080.000	2.600.000

Am 2

3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB cho dự án (tính 0,2% trên tổng giá trị bồi thường)	11.727.000			11.727.000
3.1	Chi phí thẩm định phương án tổng thể, phương án chi tiết (Hội đồng bồi thường BQL Khu kinh tế)	8.209.000			8.209.000
3.2	Chi phí thẩm định dự toán, thẩm định quyết toán chi phí P/V công tác bồi thường GPMB (Sở Tài chính)	3.518.000			3.518.000
4	Chi phí thuê văn phòng và trang thiết bị làm việc:	51.000.000		51.000.000	0
5	Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư, dụng cụ, chụp phim ảnh làm tư liệu, đóng tập hồ sơ	2.994.000	14.726.000		17.720.000
6	Chi phí thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường	16.636.000	15.518.000		32.154.000
7	Chi phí khác	9.406.000	44.525.000	9.406.000	44.525.000
7.1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng và tổ công tác	0	44.525.000	0	44.525.000
	- Chủ tịch Hội đồng: 150.000đ/tháng		1.350.000		1.350.000
	- Phó chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng: 125.000 đồng/người/tháng		12.375.000		12.375.000
	Tổ trưởng, tổ phó và các thành viên Tổ công tác: 100.000 đồng/người/tháng		30.800.000		30.800.000
7.2	Chi khác (nếu có)	9.406.000		9.406.000	0

Ghi chú:

- Khi thanh toán tiền bồi dưỡng đi hiện trường phải có bảng chấm công.
- Khi thuê mướn phải có hợp đồng cụ thể.
- Nếu 1 thành viên vừa có tên trong Hội đồng GPMB vừa có tên trong Tổ công tác, khi tham gia công tác GPMB có chung một nhiệm vụ thì được hưởng 1 suất tiền bồi dưỡng.
- Khi thanh toán các khoản chi khác phải có hóa đơn chứng từ hợp lệ.

Handwritten signature